TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2018/HS-PT
Ngày 20 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn;

Bà Mai Thị Tú Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 646/2017/TLPT-HS ngày 28 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Xuân L và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Xuân L, Hồ Thanh Q và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. **Đỗ Xuân L**, sinh ngày 16/9/1983 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Hộ khẩu thường trú: thôn Tr, xã H, huyện H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở: khu phố B, phường B1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Đỗ Q (sinh năm 1957) và bà Huỳnh Thị Kh (đã chết); Có vợ là Trương Ngọc Th (sinh năm 1995, không đăng ký kết hôn) và có 01 người con (sinh năm 2015); Tiền án: Ngày 07/3/2012, bị Tòa án nhân dân quận Th1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 46/2012/HSST; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 26/10/2001, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 16/10/2001 theo Quyết định số 115 về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 27/5/2005, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2005/HSST (chấp hành xong hình phạt ngày 11/8/2007 đã được xóa án tích); Bị cáo bị bắt,

tạm giam từ ngày 16/9/2015 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn Th – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. **Trương Ngọc H**, sinh ngày 14/8/1993 tại tỉnh Cà Mau; Hộ khẩu thường trú: thôn 3, xã Ph, huyện T, tỉnh B4; Chỗ ở: khu phố B, phường B1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Trương Ngọc H1 (sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1974); Có vợ là Võ Thị T (sinh năm 1989) và 01 con (sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/9/2015 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hồ Hoài Nh – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. **Trần Mạnh H1**, sinh ngày 12/7/1988 tại tỉnh B4; Hộ khẩu thường trú: thôn 1, xã Đ, huyện T1, tỉnh B4; Chỗ ở: khu phố Th2, phường L, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: kinh; Con ông Trần Mạnh L (sinh năm 1955) và bà Trần Thị Hồng V (sinh năm 1957); Có vợ là Phan Ý Nh (sinh năm 1994, không đăng ký kết hôn) và có 02 con (sinh năm 2013 và 2015); Tiền án: Ngày 21/12/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Ph1, tỉnh B4 xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2005/HSST; Ngày 22/9/2006, bị Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh B4 xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2006/HSST và tổng hợp hình phạt chung 02 bản án buộc bị cáo Trần Mạnh H1 phải chấp hành hình phạt là 03 năm tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2008 nhưng chưa được xóa án tích do chưa chấp hành việc đóng án phí của Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2005/HSST); Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 13/3/2002, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B4 ra quyết định đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4 trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 21/3/2002 theo Quyết định số 115 về hành vi gây rối trật tự công cộng; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 07/10/2015 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đinh Trọng L – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

4. **Hồ Thanh Q**, sinh ngày 09/7/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường N, Phường 13, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: đường số 5, khu phố 2, phường L, quận Th1, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: nhà không số, khu phố B4, phường Th3, thị xã Th, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Hồ Văn V (sinh năm 1957) và bà Nguyễn Thị Ph (sinh năm 1962); Tiền án: Ngày 16/9/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 06 năm tù về tội "Giết người" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2005/HSST (chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/7/2010 nhưng chưa được xóa án tích); Ngày 23/5/2012, bị Tòa án nhân dân quận Th1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2012/HSST (chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/3/2013 nhưng chưa được xóa án tích); Tiền sự: không; Bị cáo bị

bắt, tạm giam từ ngày 16/9/2015 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Minh Ch – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

5. **Phan Hữu L1**, sinh ngày 06/3/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: xã Ng, huyện Ph2, tỉnh Hưng Yên; Tạm trú: khu phố B5, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Phan Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1958); Có vợ là Bùi Thị H (sinh năm 1988) và có 01 con (sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/9/2015 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Đình V – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

6. **Nguyễn Minh H2**, sinh ngày 27/11/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường số 8, khu phố 1, phường L, quận Th1, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường số 10, khu phố 3, phường L, quận Th1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Con ôngNguyễn Văn T (sinh năm 1971) và bà Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm 1966); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/9/2015 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hồ Hoài Nh – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Trong vụ án còn có bị cáo Trần Hùng T2, Lê Minh H3 và người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 05 phút ngày 15/9/2015, tại trạm thu phí thuộc đường B6, ấp B7, xã H4, thành Phố B2, tỉnh Đồng Nai, Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt quả tang Châu Thanh Hoài S, sinh năm 1990 và Dương Thị Thanh Th3, sinh năm 1995 cùng ngụ tại phường H5, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai có hành vi vận chuyển trái phép khoảng 0,5 kg chất ma túy bằng xe ô tô hiệu Hyundai từ tỉnh Bình Dương về thành phố B2, tỉnh Đồng Nai để bán. S khai vừa mua số ma túy trên của Đỗ Xuân L, sinh năm 1983, trú tại khu phố B, phường B1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương nên cùng ngày 15/9/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đồng Nai chuyển tin báo tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bình Dương để xác minh và thực hiện công tác phối hợp điều tra bắt giữ người phạm tội.

Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra về tội phạm ma

túy Công an tỉnh Bình Dương tiến hành xác minh, ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở để thu giữ đồ vật tài liệu liên quan đến vụ án và ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Đỗ Xuân L, Trương Ngọc H, Trần Hùng T2, Hồ Thanh Q, Nguyễn Minh H2, Phan Hữu L1, Lê Minh H3. Đến ngày 24/9/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra quyết định khởi tố bị can và lệnh tạm giam đối với Đỗ Xuân L, Trương Ngọc H, Trần Hùng T2, Hồ Thanh Q, Nguyễn Minh H2, Phan Hữu L1, Lê Minh H3, ngày 15/10/2015 ra quyết định khởi tố bị can và lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Mạnh H1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra đã xác định được hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án cụ thể như sau:

1. Đối với hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" của Đỗ Xuân L, Trương Ngọc H, Trần Hùng T2, Hồ Thanh Q, Nguyễn Minh H2, Phan Hữu L1, Lê Minh H3, Trần Mạnh H1:

Đỗ Xuân L là người nghiện ma túy, từng có tiền án. Sau khi ra tù vào tháng 5/2014, L đến sinh sống tại khu phố B, phường B1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương và làm nhiều việc khác nhau nhưng thu nhập không ổn định, do muốn có nhiều tiền để tiêu xài nên khoảng tháng 4/2015 thông qua người tên Nh (không rõ nhân thân, lai lịch) nhà ở thành phố B2, tỉnh Đồng Nai, L quen biết được các người tên L2, Q1 (không rõ nhân thân lai lịch) ở thành phố Hải Phòng. L nhờ L2 giới thiệu tìm mua ma túy ở thành phố Hải Phòng để đem về tỉnh Bình Dương bán nhằm thu L1 bất chính. Đồng thời, L mua 03 khẩu súng, 25 viên đạn các loại và mua một số hung khí như dao mã tấu, ống tuýp sắt nhằm để sử dụng vào việc áp tải ma túy từ thành phố Hải Phòng về tỉnh Bình Dương và phục vụ hoạt động mua bán ma túy.

Thông qua sự giới thiệu từ người tên L2, Q1 ở thành phố Hải Phòng, L giao dịch mua ma túy của người tên Th4 (không rõ nhân thân, lai lịch), người tên D1, L3 và một số người khác (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Hải Phòng**.** L thu nhận các đồng phạm có mối quan hệ quen biết trước đó với L khi còn ở trong trại giam. Đồng thời, L rủ: Trương Ngọc H là anh vợ của L, Phan Hữu L1, Lê Minh H3 Trần Hùng T2, Nguyễn Minh H2, Hồ Thanh Q, Trần Mạnh H1, Tí N giúp sức cho L trong hoạt động mua bán ma túy.Trong đó, L giữ vai trò chủ mưu cầm đầu, phân công nhiệm vụ cho các đồng phạm, tùy vào khả năng của từng người mà L phân công vai trò, nhiệm vụ và trả tiền công khác nhau, đồng thời cung cấp ma túy đá để các đồng phạm này sử dụng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2015 đến ngày 15/9/2015, Đỗ Xuân L và các đồng phạm đã mua và vận chuyển ma túy từ thành phố Hải Phòng về tỉnh Bình Dương để bán tổng cộng 04 lần với tổng trọng lượng 7,5 (bảy phẩy năm) kg ma túy, gồm: 07 (bảy) kg ma túy đá Methamphetamine và 0,5 (không phẩy năm) kg ma túy Ketamine, cụ thể các lần phạm tội như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng gần cuối tháng 8/2015, thông qua sự giới thiệu của người tên L2, L đặt mua 01 (một) kg ma túy Methamphetamine của người tên Th4 ở thành phố Hải Phòng với giá 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng), sau đó L phân công L1 đặt mua vé máy bay cho H, Nguyễn Minh H2 đi

máy bay đem tiền ra thành phố Hải Phòng gặp Th4 để mua ma túy nhưng không mua được nên L trực tiếp cùng T2 đi máy bay ra thành phố Hải Phòng để gặp Th4 và cùng với H đưa cho Th4 số tiền 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng) để mua 01 (một) kgma túy Methamphetamine. Sau đó, L cất giấu ma túy trong một ba lô màu xanh đen và giao cho H, Nguyễn Minh H2 đi taxi từ thành phố Hải Phòng đến ga Nam Định để mua vé tàu hỏa vận chuyển số ma túy trên về tỉnh Bình Dương còn L, T2 đi máy bay về trước. Khi H, Nguyễn Minh H2 đi tàu hỏa về đến ga M, tỉnh Bình Dương thì xuống tàu theo yêu cầu của L và được Nguyễn Tuấn Ph3 và Nguyễn Tấn Nh là tài xế xe taxi đi cùng với L1 ra đón về nhà số 86/5, khu phố B, phường B1, thị xã Th. Lần mua và vận chuyển ma túy này, Nguyễn Minh H2 được L trả công số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) còn H được trả công bằng cách trừ vào số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) mà H đã mượn của L trước đó.

Lần thứ hai và lần thứ ba: Ngày 03/9/2015, sau khi bán hết 01 (một) kg ma túy Methamphetamine mà H, Nguyễn Minh H2 vận chuyển về, L tiếp tục phân công L1 đặt vé máy bay để L cùng H3, Nguyễn Minh H2 mang tiền đi ra Hải Phòng và mua được 01 (một) kg ma túy Methamphetamine của một người không rõ nhân thân lai lịch thông qua sự giới thiệu của Th4 với giá 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Sau đó, L cất giấu ma túy trong một ba lô màu xanh đen và giao cho H3 mang về tỉnh Bình Dương trước còn L và Nguyễn Minh H2 ở lại thành phố Hải Phòng để tiếp tục tìm mua thêm ma túy. H3 mang ma túy đi về bằng tàu hỏa và khi đến ga M, tỉnh Bình Dương thì xuống tàu và được Ph3 và Nh lái xe taxi chở theo L1 từ nhà H ra đón. Khi về đến ngã tư B1, phường B1, thị xã Th thì H3 giao lại ba lô đựng ma túy cho H cất giữ.

L, Nguyễn Minh H2 ở lại thành phố Hải Phòng thông qua người tên Q1 (không rõ nhân thân, lai lịch) giới thiệu để mua 02 (hai) kg ma túy Methamphetamine nhưng do không đủ tiền nên L điện thoại cho Trần Mạnh H1, nhờ H1 đến gặp H lấy 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) và kêu L1 đặt vé máy bay cho Trần Mạnh H1 đem tiền ra để L thanh toán tiền mua ma túy còn thiếu. Khi Trần Mạnh H1 ra đến sân bay C, thành phố Hải Phòng thì L đi taxi đến đón rồi cùng Trần Mạnh H1 đến nhà người bán ma túy theo giới thiệu của Q1. Khi đến nơi, Trần Mạnh H1 ngồi ngoài xe taxi chờ còn L vào trong nhà trực tiếp giao dịch mua được 02 (hai) kg ma túy Methamphetamine, L cất giấu vào trong một ba lô màu xanh đen và quay trở ra đưa cho Trần Mạnh H1. Trần Mạnh H1 đón xe taxi ra đường cao tốc Hải Phòng – Hà Nội đứng chờ Nguyễn Minh H2 đến rồi cả hai đón xe taxi đi đến ga Nam Định mua vé tàu hỏa đi về tỉnh Bình Dương, còn L đi máy bay về trước.Khi đi tàu hỏa về tới ga B2, tỉnh Đồng Nai thì L, L1, H đi xe taxi do Ph3 điều khiển đến đón Trần Mạnh H1 và Nguyễn Minh H2 về nhà T2 đang ở tại khu phố B2, phường T3, thị xã T4. Tại đây, Trần Mạnh H1 giao lại ba lô chứa ma túy cho T2 để T2 đưa cho H và L1 phân chia thành nhiều gói nhỏ bán cho người mua. Lần mua 03 kg ma túy này, L trả công cho Trần Mạnh H1 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), H3 số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) và Nguyễn Minh H2 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Lần thứ tư: Khoảng chiều ngày 11/9/2015, thông qua L2 giới thiệu để L mua 03 (ba) kg ma túy Methamphetamine và 0,5 (không phẩy năm) kg ma túy Ketamine với giá tiền 1.160.000.000 đồng (một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng) của người tên D2 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố Hải Phòng. Sau khi thỏa thuận với L2 và D2 qua điện thoại xong, L phân công H thông qua dịch vụ chuyển tiền tại khách sạn N ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh chuyển số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) cho L2 để đặt cọc tiền mua ma túy cho D2. L phân công L1 đặt vé máy bay cho Trần Mạnh H1 và T2 mang số tiền 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) ra thành phố Hải Phòng giao cho D2 và nhận ma túy mang về tỉnh Bình Dương. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Ph3 điều khiển xe taxi chở T2 và Trần Mạnh H1 từ nhà L đến sân bay T5 để ra sân bay C, thành phố Hải Phòng. Khi ra đến thành phố Hải Phòng, T2 và Trần Mạnh H1 đến nhà L2 nghỉ ngơi. Sau đó, T2 mang số tiền 1.080.000.000 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng) đi gặp D2 để mua 03 (ba) kg ma túy Methamphetamine và 0,5 (không phẩy năm) kg ma túy Ketamine. Sau khi mua được ma túy, T2 cất giấu vào trong ba lô màu xanh đen và quay về nhà L2 đón Trần Mạnh H1 cùng đi ra khách sạn ngủ đến sáng ngày 12/9/2015 thì cả hai đón xe khách mang số ma túy trên về tỉnh Bình Dương.

Khoảng 21 giờ ngày 14/9/2015, L kêu Nguyễn Minh H2 thuê xe ô tô Inova và thuê Nguyễn Tuấn Ph3 điều khiển xe chở L và Nguyễn Minh H2 đi từ khu phố B, phường B1, thị xã Th đến khu vực Khu Công nghiệp A, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai để đón Trần Mạnh H1 và T2. Sau khi đón được Trần Mạnh H1 và T2 lên xe, T2 giao lại ba lô đựng ma túy cho L cất giữ. L và Nguyễn Minh H2 giữ ba lô chứa 03 (ba) kg ma túy Methamphetamine và 0,5 (không phẩy năm) kg ma túy Ketamine và kêu Ph3 chở về nhà không số ở khu phố B4 1, phường Th3, thị xã Th. Trên đường đi, L điện thoại kêu H và L1 đến để phân chia ma túy ra thành nhiều gói nhỏ. L giao nhiệm vụ cho Q ở ngoài cảnh giới để cho L, Nguyễn Minh H2, L1 và H vào trong phòng ngủ dùng cân điện tử phân chia 03 (ba) kg ma túy Methamphetamine và 0,5 (không phẩy năm) kg ma túy Ketamine thành nhiều gói nhỏ có trọng lượng từ 50 (măm mươi) gam đến 100 (một trăm) gam để bán cho người mua. Trong quá trình H, L1 đang phân chia ma túy, L giao 01 (một) gói ma túy trọng lượng 450 gam (bốn trăm năm mươi) gam cho Nguyễn Minh H2 đi xe ô tô Inova do Ph3 điều khiển đến Khu Chung cư Th, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh để bán cho người tên Ng1. Sau đó, H và L1 đưa số ma túy còn lại đến đào hố ở bãi đất trống bên hông nhà của L tại khu phố B, phường B1, thị xã Th để giấu.

Khoảng 16 giờ ngày 15/9/2015, L phân công T2 đón taxi đem 100 gam (một trăm gam) ma túy đến Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để bán cho người tên TB với giá 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), TB trả trước số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) còn nợ lại số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Sau khi đem ma túy đi bán cho TB, T2 đem số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về đưa cho L cất giữ.

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 15/9/2015, người tên Châu Thanh Hoài S đến gặp L và H ở khu phố B, phường B1, thị xã Th để mua 0,5 (không phẩy năm) kg ma túy với giá 225.000.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), S trả trước số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và nợ lại số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng); L đồng ý bán và kêu H đào 0,5 (không phẩy năm) kg ma túy đưa cho S. Sau khi mua được ma túy của L, S đang trên đường vận chuyển về thành phố B2, tỉnh Đồng Nai thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đồng Nai phát hiện lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang về hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, L điện thoại cho Nguyễn Minh H2 đi lấy tiền nợ ma túy của một người không rõ tên và nơi ở tại khu vực cầu vượt L, quận Th1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Minh H2 lấy được số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Sau khi lấy được tiền, Nguyễn Minh H2 quay về thì L phân công Nguyễn Minh H2 cùng Ph3 đi trả tiền thuê xe ô tô Inova số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) còn lại số tiền 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm ngàn đồng) Nguyễn Minh H2 đem về nhà H đưa cho H3 nhờ đưa lại cho L.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, L phân công Nguyễn Minh H2 đi taxi do Ph3 làm tài xế đem 100 gam ma túy đi bán cho người tên Ch (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực cầu vượt A1, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), Ch trả trước số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Sau đó, Nguyễn Minh H2 đến khu vực Th, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh lấy số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền nợ ma túy của người tên Ng1 (không rõ nhân thân lai lịch). Sau khi lấy được tổng cộng số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) thì Nguyễn Minh H2 đi về nhà L thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt giữ.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L phân công H3 đi xuống khu vực ngã tư B8 thuộc Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh gặp người tên N (không rõ nhân thân, lai lịch) để lấy 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền nợ mà N đã mua ma túy của L. H3 điều khiển xe Yamaha Exciter, biển số 59X2 – 852.45 đi lấy được số tiền trên, khi H3 về đến nhà L thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt giữ cùng số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, L còn nhiều lần phân công đồng phạm mang ma túy đi bán cho người mua hoặc đi thu tiền nợ đem về cho L cụ thể:

Nguyễn Minh H2 và Q đem ma túy đi bán và thu tiền nợ của người tên Ch1 (không rõ nhân thân, lai lịch), ngụ ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng 150 gam với giá là 82.000.000 đồng (tám mươi hai triệu đồng).

Nguyễn Minh H2 và H3 đem ma túy đi bán và thu tiền nợ của người tên Ng1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu chung cư Th, quận B3, thành phố Hồ Chí Minh số lượng 450 gam với giá là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

T2 và Nguyễn Minh H2 đem ma túy đi bán và thu tiền nợ của người tên TB (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh 150 gam với giá 82.000.000 đồng (tám mươi hai triệu đồng).

Nguyễn Minh H2 và Q đem ma túy đi bán và thu tiền nợ của người tên Oanh (không rõ nhân thân, lai lịch) ở quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

H3 đi thu tiền nợ ma túy của người tên N (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

T2 đem ma túy đi bán cho người tên T5 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng từ 100 gam đến 200 gam.

Nguyễn Minh H2 đi thu tiền nợ ma túy của người tên S1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và người tên Ch3 nhà ở khu vực ngã 4 B9, phường T3, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Số ma túy khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt, khám xét và thu giữ được tại khu vực đất trống tại khu phố B, phường B1, thị xã Th, tỉnh Bình Dương của L là số ma túy còn lại mà L cùng đồng phạm chưa kịp bán hết**.**

Căn cứ Kết luận giám định số 1671/GĐ-PC54 ngày 24/9/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chất tinh thể màu trắng đựng trong 11 (mười một) bịch nylon thu giữ của Đỗ Xuân L có thành phần Methamphetamine, tổng trọng lượng là 886,6623gam (trong đó có 190,4323g có hàm lượng 88,88%; 696,230g có hàm lượng 87,73%).

2. Đối với hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q:

Khoảng 20 giờ ngày 15/9/2015, L đưa cho H 03 gói nylon chứa ma túy có tổng trọng lượng 4,2759 gam để H cất giữ và nói với H khi nào L, và đồng phạm có nhu cầu thì H đưa để sử dụng nên H đem 03 gói ma túy cất giấu trong phòng ngủ tại khu phố B, phường B1, thị xã Th. Đến 00 giờ 15 phút ngày 16/9/2015, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt và khám xét nơi ở của Trương Ngọc H đã phát hiện thu giữ được số ma túy trên.

Căn cứ Kết luận giám định số 1672/GĐ-PC54 ngày 25/9/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận chất tinh thể màu trắng trong 01 (một) gói nylon hàn kín thu giữ tại nơi ở của Trương Ngọc H có thành phần Ketamine, trọng lượng 0,0664 gam (không giám định được hàm lượng) và chất tinh thể màu trắng trong 02 (hai) gói nylon miệng kéo dính có thành phần Methamphetamine, Ketamine, có tổng trọng lượng 4,2059gam (hàm lượng Methamphetamine, Ketamine 16,78% = 0,7101 gam.

Xét hành vi của H tàng trữ số lượng ma túy ít, không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 06/6/2017, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định số 01/QĐ-KSĐT.P2 đình chỉ bị can, miễn trách nhiệm hình sự đối với Trương Ngọc H về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Khoảng 23 giờ ngày 14/9/2015, L đưa cho Q 03 bịch ma túy Methamphetamine và 01 bịch ma túy Ketamin có tổng trọng lượng là 2,9135 gam để sử dụng riêng, Q đem 04 bịch ma túy này cất giấu trong phòng ngủ. Đến 01 giờ ngày 16/9/2015 khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt, khám xét khẩn cấp nơi ở của Hồ Thanh Q đã phát hiện thu giữ được số ma túy trên.

Căn cứ Kết luận giám định số 1673/GĐ-PC54 ngày 30/9/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong 02 (hai) gói nylon hàn kín thu giữ tại nơi ở của Hồ Thanh Q có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 0,9786 gam (hàm lượng 80,19% = 0,7847 gam); Tinh thể màu trắng trong 01 (một) túi nylon miệng kéo dính có thành phần Methamphetamine, trọng lượng 0,9946 gam (hàm lượng 80,02% = 0,7558 gam); Chất màu trắng trong 01 túi nylon miệng kéo dính có thành phần Ketamine trọng lượng 0,9903 gam (Không giám định được hàm lượng). Tổng trọng lượng sau giám định: 1,5405 gam.

3. Đối với hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" của Đỗ Xuân L, Phan Hữu L1, Hồ Thanh Q:

Khi gặp người tên L2 ở Hải Phòng, Đỗ Xuân L đã mua của L2 01 khẩu súng hiệu ShotGun hai nòng bắn đạn hoa cải cùng 05 viên đạn với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Khoảng tháng 5/2015, L mua thêm 01 khẩu súng ngắn hiệu Makarov K59 và 11 viên đạn của người tên tên Th5 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố B2, tỉnh Đồng Nai với giá là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và mua 01 súng ổ đạn quay hiệu ME 38 Pocket cùng 09 viên đạn các loại của người tên C (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) với mục đích sử dụng hỗ trợ cho hoạt động mua bán ma túy.

Sau khi mua được 03 khẩu súng cùng 25 viên đạn các loại, L giao cho L1 chôn giấu ở bên hông nhà tại khu phố B, phường B1, thị xã Th để sử dụng khi cần. Đến khoảng tháng 7/2015, L kêu L1 đào lên đưa lại cho L cất giữ.

Khoảng giữa tháng 8/2015, L kêu Q đào hố tại khu vực giếng nước của nhà không số ở khu phố B4, phường Th3, thị xã Th để L chôn số súng đạn trên. Đến cuối tháng 8/2015, L kêu Q đến nhà L ở khu phố B, phường B1, thị xã Th mang 03 khẩu súng cùng 25 viên đạn các loại được gói trong bao da màu xanh đem chôn giấu tại hố chôn bí mật được L chuẩn bị sẵn trong phòng ngủ của Q.

Đến ngày 25/9/2015, L khai ra việc tàng trữ số vũ khí trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tiến hành khám xét và thu giữ được 03 khẩu súng cùng 25 viên đạn các loại tại nhà không số ở khu phố B4 1, phường Th3, thị xã Th.

Căn cứ Kết luận giám định số 3106/1/C54B ngày 15/01/2016 của Viện Kỹ thuật hình sự - Bộ Công an kết luận: 03 khẩu súng thu giữ tại nhà không số khu phố B4, phường Th3, thị xã Th gồm: 01 (một) khẩu súng hai nòng, dài 48 cm gửi giám định là súng hiệu ShotGun hai nòng nhẵn, số hiệu 455132, là vũ khí có tính

năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng; 01 (một) khẩu súng ngắn bằng kim loại đã cũ, dài 16,5cm là súng ngắn Makarov (K59) cỡ nòng 09 mm, là súng nằm trong danh mục vũ khí quân dụng; 01 (một) khẩu súng ổ xoay bằng kim loại dài 18,5cm, hiệu ME 36 Pocket, cỡ nòng 09 mm, số hiệu 18994 là súng thuộc danh mục công cụ hỗ trợ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân L, Hồ Thanh Q, Phan Hữu L1, Nguyễn Minh H2 và Trần Mạnh H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo Đỗ Xuân L, Hồ Thanh Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; các bị cáo Đỗ Xuân L, Hồ Thanh Q, Phan Hữu L1 phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

Áp dụng điểm e khoản 4 và khoản 5 Điều 194; khoản 1 Điều 230; các điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân L tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 04 (bốn) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung cả ba tội là tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46;điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc H tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015.

Xử phạt bị cáo Trần Hùng T2 tù chung thânvề tội "Mua bán trái phép chất ma túy".Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194;điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H1 tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2015.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm đ khoản 2 Điều 230; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm n Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Hồ Thanh Q 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 06 (sáu) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 05 (năm) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung cả ba tội là 30 (ba mươi) năm tù.Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015.

Áp dụng điểm ekhoản 4 Điều 194; khoản 1 Điều 230; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Phan Hữu L1 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H2 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999,

Xử phạt bị cáo Lê Minh H3 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo Trần Hùng T2 và Lê Minh H3; tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/8/2017, bị cáo Đỗ Xuân L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/8/2017, bị cáo Hồ Thanh Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có kháng nghị về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Mạnh H1, Trương Ngọc H, Nguyễn Minh H2, Hồ Thanh Q và Phan Hữu L1 về tội mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Trương Ngọc H, Trần Mạnh H1, Phan Hữu L1 và Nguyễn Minh H2 đề nghị giữ nguyên mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo.

Luật sư Trần Văn Th bào chữa cho bị cáo Đỗ Xuân L trình bày: Luật sư đồng ý về tội danh, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn của bị cáo, cho bị cáo mức án tù để có cơ hội về với gia đình.

Luật sư Nguyễn Minh Ch bào chữa cho bị cáo Hồ Thanh Q trình bày: Bị cáo Q không tham gia vào quá trình mua, phân chia và bán khối lượng ma túy, chỉ tham gia công việc cảnh giới khi các bị cáo khác phân chia ma túy để bán và đi thu tiền cho L. Bị cáo Q chỉ cảnh giới 01 lần ngày 14/9/2015, các bị cáo chỉ phân chia khối lượng 3.5kg. Bản án sơ thẩm nhận định vai trò của Q như một đồng phạm tham gia vào toàn bộ hoạt động mua bán ma túy của L là chưa chính xác. Số lượng 7,5kg ma túy phạm tội chỉ là dựa trên lời khai của các bị cáo nên chưa có cơ sở vững chắc để kết tội. Tòa sơ thẩm xét xử bị cáo Q mức án 30 năm tù cho cả 03 tội là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Luật sư Nguyễn Đình V bào chữa cho bị cáo Phan Hữu L1 trình bày: Bị cáo L1 không kháng cáo, chấp nhận mức án sơ thẩm đã tuyên để cải tạo thành người tốt. Về số lượng ma túy, quy kết các bị cáo phạm tội với số lượng 7,5kg là chưa có căn cứ chính xác vì chỉ bị bắt quả tang là khoảng 0,8kg. Bị cáo L1 chỉ nhận tiền công hàng ngày từ 300.000 đồng đến 600.000 đồng mỗi ngày, không thu L1 từ hành vi mua bán ma túy. Tòa sơ thẩm nhận định vai trò của bị cáo thấp hơn các bị cáo khác là đúng quy định pháp luật. Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị, giữ nguyên mức hình phạt án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư Hồ Hoài Nh bào chữa cho bị cáo Trương Ngọc H và Nguyễn Minh H2 trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã nêu ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, xử phạt các bị cáo mức án phù hợp. Viện kiểm sát kháng nghị tăng hình phạt đối với 2 bị cáo nhưng không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị, tạo điều kiện cho các bị cáo làm lại cuộc đời, trở thành công dân tốt cho xã hội.

Luật sư Đinh Trọng L bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh H1 trình bày: Lời khai của bị cáo L có nhiều mâu thuẫn, lúc thì khai Mạnh H1 được giao việc phụ bán ma túy lúc khai Hùng không biết. Án ma túy phải chứng minh được lỗi cố ý, chỉ căn cứ H1 có 02 lần đi Hải Phòng để quy kết là không đúng. Tại phiên tòa sơ thẩm, T2 cũng khai H1 chỉ đi cùng, không biết gì về việc mua bán ma túy. H1 chỉ đi cùng T2, T2 cũng thuê phòng riêng cho H1 ăn ở, H1 không có cơ hội để tiếp cận và biết T2 đang làm gì. Mặc dù bị cáo có nhân thân không tốt nhưng buộc tội phải có chứng cứ xác thực mới có thể kết tội bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xem xét lại toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Đỗ Xuân L, Hồ Thanh Q, Phan Hữu L1, Nguyễn Minh H2 và Trần Mạnh H1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo Đỗ Xuân L, Hồ Thanh Q phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; các bị cáo Đỗ Xuân L, Hồ Thanh Q, Phan Hữu L1 phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" là đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Đỗ Xuân L là người cầm đầu, chủ mưu tổ chức cho các bị cáo khác thực hiện việc mua bán ma túy với số lượng lớn, có tính chất chuyên nghiệp. Mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Mạnh H1 đã 02 lần ra Hải Phòng giao tiền và nhận hàng về, khối lượng phạm tội lớn, quá trình điều tra không thành khẩn khai báo, tái phạm nguy hiểm. Do đó, phải xử phạt bị cáo Trần Mạnh H1 mức án cao nhất của khung hình phạt. Tòa sơ thẩm xử chung thân là không đúng.

Bị cáo Trần Ngọc H phạm tội nhiều lần, mặc dù chưa có tiền án, tiền sự, đã thành khẩn khai báo nhưng hành vi mua bán khối lượng ma túy đặc biệt lớn, Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo tù chung thân là chưa tương xứng.

Bị cáo Nguyễn Minh H2 không khai nhận hành vi phạm tội nhưng các tài liệu trong hồ sơ thể hiện đã tham gia nhiều lần với khối lượng lớn, bị cáo phải chịu trách nhiệm ngang bằng với L, xử phạt bị cáo 20 năm tù là nhẹ.

Đối với Phan Hữu L1, bị cáo tích cực tham gia, đặt vé máy bay cho các bị cáo khác đi Hải Phòng và thuê xe taxi đón các bị cáo về Bình Dương. Trực tiếp cùng các bị cáo khác phân chia ma túy, tổng cộng 6kg để bán cho các đối tượng khác. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần xử phạt mức án nghiêm khắc, đề nghị tăng hình phạt như kháng nghị.

Đối với Hồ Thanh Q, bị cáo cất giữ ma túy, phân chia để bán và cất giấu súng. Tòa sơ thẩm xử phạt 20 năm tù là không tương xứng, đề nghị tăng hình phạt lên tù chung thân.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của 02 bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q; chấp nhận kháng nghị, xử phạt bị cáo Trương Ngọc H, Trần Mạnh H1 hình phạt tử hình, Hồ Thanh Q, Nguyễn Minh H2 và Phan Hữu L1 tù chung thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tháng 4/2015, Đỗ Xuân L thông qua các đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch) tại Đồng Nai quen biết được đối tượng tên L2, Q (không rõ nhân thân lai lịch) ở thành phố Hải Phòng nhằm mua ma túy từ Hải Phòng về Đồng Nai bán lại để thu L1 bất chính. Đồng thời, L mua 03 khẩu súng, 25 viên đạn các loại và mua một số hung khí như dao, mã tấu, ống tuýp sắt nhằm để sử dụng vào hoạt động mua bán ma túy.

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2015 đến ngày 15/9/2015, Đỗ Xuân L cùng Trương Ngọc H, Phan Hữu L1, Lê Minh H3, Trần Hùng T2, Nguyễn Minh H2, Hồ Thanh Q và Trần Mạnh H1 đã mua và vận chuyển ma túy từ thành phố Hải Phòng về tỉnh Bình Dương để bán lại cho các con nghiện để thu L1 bất chính. Trong đó:

Bị cáo Đỗ Xuân L là người cầm đầu, tổ chức, đã phân công các bị cáo khác vận chuyển ma túy từ Hải Phòng về Đồng Nai và bán ma túy cho các đối tượng nghiện với tổng trọng lượng là 7kg Methamphetamine và 0,5kg Ketamine. Ngoài ra bị cáo L còn phân công bị cáo L1 và Q đem chôn giấu các loại vũ khí dùng trong việc mua bán ma túy là 01 khẩu súng ShotGun hai nòng nhẵn; 01 khẩu súng ngắn Makarov (K59); 01 khẩu súng hiệu ME 36 Pocket cùng 25 viên đạn các loại.

Bị cáo Nguyễn Minh H2 được phân công 02 lần vận chuyển ma túy từ Hải Phòng về Đồng Nai với tổng lượng ma túy là 3kg Methamphetamine. Sau đó mang ma túy đi bán và thu tiền bán ma túy cho L.

Bị cáo Trần Mạnh H1 được 02 lần ra Hải Phòng mua ma túy về theo sự phân công của L với tổng lượng ma túy là 5kg Methamphetamine và 0,5kg Ketamine.

Bị cáo Trương Ngọc H được phân công 01 lần vận chuyển ma túy từ Hải Phòng về Đồng Nai với tổng lượng ma túy là 01kg Methamphetamine, phân chia ma túy thành nhiều gói nhỏ bán cho con nghiện.

Bị cáo Hồ Thanh Q được phân công nhiệm vụ thu tiền từ việc bán ma túy và cảnh giới để các bị cáo khác phân chia 3kg Methamphetamine và 0,5kg Ketamine thành nhiều gói nhỏ và mang bán cho các đối tượng nghiện. Ngoài ra, bị cáo Q còn nhận 1,9732 gam Methamphetamine và 0,9903 gam Ketamine từ bị cáo L để cất giấu sử dụng và giúp L chôn giấu 03 khẩu súng.

Bị cáo Phan Hữu L1 được bị cáo L phân công mua vé máy bay cho các bị cáo khác từ Đồng Nai ra Hải Phòng để vận chuyển ma túy và đưa đón các bị cáo từ Hải Phòng về, cùng với H phân chia và chôn giấu ma túy, theo dõi ghi chép số tiền mà người mua ma túy còn thiếu và lấy ma túy đưa cho đồng phạm đem đi bán

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Đỗ Xuân L, Trương Ngọc H, Hồ Thanh Q, Lê Minh H3, Phan Hữu L1, Nguyễn Minh H2 và Trần Mạnh H1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp "Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam trở lên" được quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2] Các bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q đã bị xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", trong đó bị cáo L phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự, bị cáo Q phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mặc khác, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định có L1 cho người phạm tội theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, từ đó áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử đối với Q và L về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Các bị cáo Đỗ Xuân L, Phan Hữu L1, Hồ Thanh Q bị xét xử về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng", trong đó hành vi phạm tội của bị cáo L và L1 được quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật Hình sự năm 1999, còn bị cáo Q phạm tội thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 230 Bộ luật Hình năm 1999 sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q có đơn kháng cáo. Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị số 03 ngày 29/8/2017. Quyết định kháng nghị và đơn kháng cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Xuân L: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo L tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, bị cáo tự thú về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tuy nhiên, bị cáo L là người cầm đầu chủ mưu, mua bán số lượng ma túy đặc biệt lớn để thu L1 bất chính, bị cáo có nhiều tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội nhiều lần. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất là tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra.

Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Thanh Q: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tiền án chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội, do vậy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy, 06 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 05 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; tổng hợp hình phạt chung của cả ba tội là 30 năm tù là thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q không trình bày được tình tiết nào mới để xem xét, mức hình phạt đã tuyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Mạnh H1, Trương Ngọc H, Nguyễn Minh H2, Hồ Thanh Q và Phan Hữu L1 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bị cáo Trần Mạnh H1 có hành vi 02 lần giúp sức vận chuyển ma túy từ Hải Phòng về Bình Dương với khối lượng 5,5kg ma túy. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo không thành khẩn khai báo, cho rằng mình không biết việc mua bán ma túy của L, chỉ đi cùng T2 ra Hải Phòng để chơi. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo L, T2 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo phạm tội với khối lượng đặc biệt lớn và phạm tội nhiều lần, bản thân bị cáo đã có 02 tiền án, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo quanh co chối tội, không thành khẩn khai báo. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để chấp nhận kháng nghị, tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Mạnh H1.

Bị cáo Nguyễn Minh H2 đóng vai trò vận chuyển ma túy từ Hải Phòng về Bình Dương với khối lượng 3kg; mang ma túy đi bán và thu tiền bán ma túy về cho L. Bị cáo là đồng phạm giúp sức tích cực, phạm tội với khối lượng ma túy đặc biệt lớn, phạm tội nhiều lần. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 20 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh H2 là có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo Hồ Thanh Q, Trương Ngọc H và Phan Hữu L1, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội và vai trò tham gia của các bị cáo trong vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho các bị cáo. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trương Ngọc H tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Hồ Thanh Q 30 năm tù về 03 tội "Mua bán trái phép chất ma túy", "Tàng trữ trái phép chất ma túy", "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; Phan Hữu L1 22 năm tù về 02 tội "Mua bán trái phép chất ma túy", "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Q, H và L1.

[5] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Mạnh H1 và Nguyễn Minh H2.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-KNPT-P2 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa phần hình phạt đối với bị cáo Trần Mạnh H1 và Nguyễn Minh H2.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q.

Giữ nguyên phần hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Đỗ Xuân L, Trương Ngọc H, Hồ Thanh Q, Phan Hữu L1.

Tuyên bố các bị cáo **Đỗ Xuân L**, **Hồ Thanh Q**, **Phan Hữu L1**, **Trương Ngọc H**, **Nguyễn Minh H2** và **Trần Mạnh H1** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo **Đỗ Xuân L** và **Hồ Thanh Q** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; các bị cáo **Đỗ Xuân L, Hồ Thanh Q** và **Phan Hữu L1** phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

- Áp dụng điểm e khoản 4 và khoản 5 Điều 194; khoản 1 Điều 230; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo **Đỗ Xuân L** Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 04 (bốn) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung cả ba tội là Tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Trương Ngọc H** tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Trần Mạnh H1** Tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, điểm đ khoản 2 Điều 230, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 50, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm n khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Hồ Thanh Q** 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 06 (sáu) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 05 (năm) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung cả ba tội là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194, khoản 1 Điều 230, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 50, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Phan Hữu L1** 20 (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng". Tổng hợp hình phạt chung cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh H2** tù chung thân về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/9/2015. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Bị cáo Đỗ Xuân L và Trần Mạnh H1 được quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin ân giảm án tử hình trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Đỗ Xuân L và Hồ Thanh Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Trung Tuấn **Mai Thị Tú Oanh** **Nguyễn Văn Minh**